

Bản án số: 116/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15- 9-2022

V/v: Ly hôn giữa chị N và anh Đ

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Thu Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Yến;

2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thanh Hà, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 369/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, về Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2022/QĐXX-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2022/QĐST-DS ngày 07/9/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1999 (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987 vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2022, các lời khai tiếp theo và diễn biến tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn Đ được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 29/5/2018 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh Đ ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tháng 5/2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Đ không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ, con nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ đó đến nay vợ chồng chị không còn chung sống cùng

nhau, đã chấm dứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, tha thiết đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh, sinh ngày 30/8/2018. Cháu ở với chị được hai năm thì anh Đ đón con về nuôi. Sau khi ly hôn anh Đ có nguyện vọng được nuôi con chị cũng nhất trí để anh Đ nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù anh Đ không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con nhưng chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 10/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị không cầu giải quyết.

Bị đơn, anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại Biên bản lấy lời khai và các lời khai, anh Nguyễn Văn Đ trình bày thống nhất với chị N về thời gian đăng ký kết hôn và quá trình chung sống. Nguyên nhân vợ chồng anh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2020 đến nay. Nay chị N xin ly hôn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa anh và chị N có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh, sinh ngày 30/8/2018. Hiện nay cháu đang ở với chị N. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 227, 228, 271, 272 và 273 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc Quỳnh, sinh ngày 30/8/2018. Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản Điều 227, Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn Đ đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, nên hôn nhân giữa chị N và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị N và anh Đ đã chấm dứt quan hệ tình cảm và kinh tế, sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được và tha thiết xin ly hôn. Anh Đ mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, không muốn ly hôn, nhưng anh Đ cũng xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh Đ đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa chị N và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh, sinh ngày 30/8/2018. Anh Đ có nguyện vọng được nuôi con và chị N cũng nhất trí. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho con chưa thành niên, căn cứ các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Giao cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù anh Đ không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, nhưng chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng kể từ tháng 10/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi, nên để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc Quỳnh, sinh ngày 30/8/2018. Chị N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 10/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013776 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị N phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã C, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Thu Thủy**

